

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN THỊ THÚY

**MỐI QUAN HỆ BIỆN CHỨNG GIỮA
PHÁT TRIỂN XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG SINH THÁI
Ở ĐÀ NẴNG HIỆN NAY**

Chuyên ngành : Triết học

Mã số : 60 22 80

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

Đà Nẵng - Năm 2013

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **TS. TRẦN HỒNG LƯU**

Phản biện 1: **PGS.TS. NGUYỄN TẤN HÙNG**

Phản biện 2: **PGS.TS. NGUYỄN TIỀN DŨNG**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sỹ Khoa học Xã hội và Nhân văn họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 6 tháng 9 năm 2013

Có thể tìm luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Môi trường tự nhiên thường xuyên ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống của con người, đóng vai trò đặc biệt quan trọng và không thể thay thế đối với sự tồn tại, phát triển của con người cũng như xã hội loài người.

Sự phát triển xã hội và vấn đề bảo vệ môi trường là hai vấn đề song song tồn tại.

Đà Nẵng là một thành phố trẻ, năng động, tốc độ đô thị hóa cao, diện mạo đô thị ngày một khang trang với hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và cơ sở hạ tầng xã hội được đầu tư cả về số lượng lẫn chất lượng, đem lại cho Đà Nẵng một tầm vóc mới cả về không gian lẫn chất lượng đô thị. Hệ quả của sự phát triển kinh tế, xã hội sẽ kéo theo những tác động xấu đến môi trường nếu thiếu sự cân nhắc, tính toán để giảm thiểu những mặt trái của sự phát triển.

Để góp phần khẳng định mối quan hệ biện chứng giữa phát triển xã hội với vấn đề bảo vệ môi trường sinh thái và cụ thể hóa quan điểm đó trong quá trình xây dựng phát triển ở một thành phố, tôi chọn đề tài nghiên cứu: *“Mối quan hệ biện chứng giữa phát triển xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái ở Đà Nẵng hiện nay”* làm luận văn tốt nghiệp của mình.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ của đề tài

2.1. Mục tiêu nghiên cứu.

Trên cơ sở nghiên cứu mối quan hệ biện chứng giữa phát triển xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái ở Đà Nẵng hiện nay nhằm tìm ra một số giải pháp để có thể làm tốt hơn công tác bảo vệ môi trường sinh thái trong sự phát triển của thành phố.

2.2. Nhiệm vụ của đề tài

- Chỉ ra quan điểm của Triết học Mác - Lênin đối với vấn đề mối quan hệ giữa phát triển xã hội với bảo vệ môi trường, làm cơ sở lý luận khoa học cho việc nhận thức vấn đề này trong giai đoạn hiện nay.

- Liên hệ thực tiễn công tác bảo vệ môi trường trong mối quan hệ với đẩy nhanh tốc độ phát triển xã hội ở thành phố Đà Nẵng.

- Đề xuất một số giải pháp để thực hiện tốt hơn việc đẩy nhanh tốc độ phát triển xã hội kết hợp với công tác bảo vệ môi trường sinh thái ở thành phố Đà Nẵng trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

Đề tài tập trung nghiên cứu quan điểm của triết học Mác-Lênin về vấn đề mối quan hệ biện chứng giữa phát triển xã hội với bảo vệ môi trường sinh thái mà chủ yếu là môi trường tự nhiên. Trên cơ sở đó nghiên cứu thực trạng của vấn đề này tại thành phố Đà Nẵng trong 10 năm trở lại đây.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận của phép biện chứng duy vật; các quan điểm của Đảng, Nhà nước và của Thành phố Đà Nẵng về vấn đề phát triển và bảo vệ môi trường, luận văn sử dụng các phương pháp logic và lịch sử; phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh đối chiếu... nhằm thực hiện mục đích và nhiệm vụ của luận văn.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài.

1. Phân tích một cách cụ thể mối quan hệ biện chứng giữa quá trình phát triển xã hội với vấn đề bảo vệ môi trường trên lập trường triết học Mác - Lênin.

2. Liên hệ thực tiễn tình hình phát triển xã hội và công tác bảo vệ môi trường của thành phố Đà Nẵng. Trên cơ sở đó đề xuất một số

giải pháp cho việc thực hiện tốt hơn công tác bảo vệ môi trường sinh thái trong quá trình phát triển kinh tế- xã hội của thành phố.

3. Luận văn có thể làm tài liệu tham khảo cho việc giảng dạy và học tập một số nội dung về vấn đề môi trường và phát triển.

4. Luận văn cũng có thể làm tài liệu tham khảo và cung cấp các luận cứ cho việc đề ra các chủ trương, chính sách đối với công tác bảo vệ môi trường sinh thái ở thành phố Đà Nẵng nhằm hướng tới một sự phát triển bền vững.

6. Bố cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận văn gồm 03 chương, 08 tiết.

7. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

Trên lập trường của phép duy vật biện chứng, các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác đã có những luận điểm quan trọng đặt nền tảng cho việc nghiên cứu và giải quyết vấn đề môi trường sinh thái hiện nay.

Ở Việt Nam cũng đã có nhiều công trình, tài liệu nghiên cứu vấn đề này từ nhiều khía cạnh khác nhau dựa trên lập trường của triết học Mác, có thể lược khảo như: Đề tài khoa học - công nghệ cấp Bộ “*Mối quan hệ giữa con người và tự nhiên trong sự phát triển xã hội*”, năm 2000, do GS TS. Hồ Sỹ Quý làm chủ nhiệm đã phân tích trạng thái lý luận và thực tiễn của vấn đề mối quan hệ giữa con người và tự nhiên. PGS TS. Phạm Thị Ngọc Trâm với công trình “*Môi trường sinh thái, vấn đề và giải pháp*”, năm 1997, xác định vấn đề môi trường sinh thái là một trong những vấn đề toàn cầu của thời đại, trình bày một số vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của vấn đề môi trường sinh thái hiện nay, gợi mở những phương hướng giải quyết vấn đề trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Ngoài ra, còn có nhiều tác giả với nhiều công trình, bài viết

khác nhau như TS Nguyễn Văn Ngừng với công trình “*Một số vấn đề về bảo vệ môi trường với phát triển kinh tế ở nước ta hiện nay*”, (2004). Tác giả Bùi Văn Dũng với bài viết “*Cơ sở triết học nghiên cứu mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường*” trên tạp chí Triết học số 4 (167), tháng 4 – 2005. Tác giả Nguyễn Đình Hòa với bài viết “*Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn ở nước ta hiện nay: khía cạnh môi trường sống*”, Tạp chí Triết học, số 8 (159), tháng 8-2004. Tiến sỹ Phạm Văn Boong với công trình “*Ý thức sinh thái và vấn đề phát triển lâu bền*” (2002).

Một số tác giả khác như Nguyễn Đức Khiển, Lưu Đức Hải, Nguyễn Ngọc Sinh đã nghiên cứu và đề xuất những giải pháp trong quản lý Nhà nước để bảo vệ môi trường cho sự phát triển bền vững ở Việt Nam.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG SINH THÁI

1.1. KHÁI NIỆM VỀ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG SINH THÁI

1.1.1. Phát triển xã hội

Có nhiều cách tiếp cận khác nhau đối với sự phát triển xã hội. Theo quan niệm của triết học Mácxít - cách tiếp cận hình thái kinh tế - xã hội hay gọi tắt là “cách tiếp cận hình thái” thì phát triển xã hội là sự phát triển kế tiếp nhau của các hình thái kinh tế xã hội từ thấp lên cao. Quá trình phát triển kế tiếp nhau của các hình thái kinh tế - xã hội được C.Mác coi đó là một quá trình lịch sử - tự nhiên.

Một cách tiếp cận khác đối với quá trình phát triển xã hội đang được quan tâm đó là cách tiếp cận theo nền văn minh của nhà tương lai học người Mỹ A.Toffler. Theo cách tiếp cận này thì lịch sử xã hội là sự kế tiếp nhau của các nền văn minh: văn minh nông nghiệp, văn minh công nghiệp và văn minh hậu công nghiệp hay còn gọi là văn minh tin học, được A.Toffler gọi đó là ba làn sóng của lịch sử.

Quan niệm về sự phát triển bền vững đã xuất hiện thể hiện yêu cầu mới về nội dung phát triển của xã hội hiện đại.

Điều 3 - *Luật bảo vệ môi trường* của nước Việt Nam năm 2005 ghi rõ: “Phát triển bền vững là phát triển đáp ứng được nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu đó của các thế hệ tương lai trên cơ sở kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, bảo đảm tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường”.

Kinh tế học cũng đã xác định: “Phát triển bền vững: là quá

trình phát triển lành mạnh, trong đó sự phát triển của cộng đồng người này không làm thiệt hại đến lợi ích của cộng đồng người khác, sự phát triển của thế hệ hôm nay không xâm phạm đến lợi ích của các thế hệ mai sau và sự phát triển của loài người không đe dọa sự sống còn hoặc làm suy giảm nơi sinh sống của các loài khác trên hành tinh”.

1.1.2. Môi trường sinh thái

Luật bảo vệ môi trường của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Điều 3, mục 1 định rõ: “môi trường bao gồm các yếu tố tự nhiên và vật chất nhân tạo bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và sinh vật”.

Theo *Từ điển tiếng Việt*: “Môi trường là toàn bộ nói chung những điều kiện tự nhiên, xã hội, trong đó, con người hay một sinh vật tồn tại, phát triển trong quan hệ với con người, với sinh vật ấy. Môi trường sinh thái là toàn bộ các điều kiện vô cơ và hữu cơ của các hệ sinh thái ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và mọi hoạt động khác của xã hội loài người”.

Quan điểm triết học Mác - Lênin cho rằng: “môi trường là nơi sinh sống và hoạt động của con người, là nơi tồn tại của xã hội. Đó là môi trường sinh địa - hóa học, hay sinh quyển. Sinh quyển là vùng lưu hành sự sống trên trái đất, là một hệ thống mở về nhiệt động học, bao gồm toàn bộ các cơ thể sống (sinh thể), các sản phẩm và các chất thải trong quá trình hoạt động sống của chúng, đồng thời bao gồm cả phần khí quyển (không khí), thủy quyển (nước), thạch quyển (đất đá) và năng lượng mặt trời, nơi đã và đang có sự sống”.

Tóm lại, môi trường là tất cả những gì có xung quanh con người, là cơ sở để con người, xã hội loài người sống và phát triển, có thể chia thành hai loại môi trường: môi trường xã hội và môi trường

tự nhiên. Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, vấn đề môi trường được luận văn xem xét ở khía cạnh môi trường tự nhiên với các yếu tố tự nhiên đóng vai trò là điều kiện thiết yếu cho sự tồn tại và phát triển của con người và xã hội loài người.

Bảo vệ môi trường, được coi: “là những hoạt động giữ cho môi trường trong lành, sạch đẹp, cải thiện môi trường, bảo đảm cân bằng môi trường sinh thái, ngăn chặn, khắc phục các hậu quả xấu do con người và thiên nhiên gây ra cho môi trường, khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên”. Đây là quan niệm đúng đắn cần được các nhà hoạch định chính sách phát triển của các quốc gia cần phải tính đến.

Để thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, Nhà nước ta đã ban hành *Luật bảo vệ Môi trường* trong đó ghi rõ: “Bảo vệ môi trường là sự nghiệp của toàn xã hội, quyền và trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân”.

1.2. QUAN NIỆM CỦA TRIẾT HỌC MÁC VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG SINH THÁI

1.2.1. Quan niệm của C.Mác, Ph.Ăngghen về mối quan hệ giữa phát triển xã hội và môi trường sinh thái

Vấn đề mối quan hệ mang tính hệ thống giữa tự nhiên và xã hội với các nhu cầu của xã hội đã được quan tâm, bàn đến từ rất sớm trong lịch sử tư tưởng nhân loại. Tuy nhiên, mỗi giai đoạn lịch sử lại có một cách tiếp cận và cách giải quyết khác nhau.

Có quan niệm cho rằng, triết lý con người chinh phục tự nhiên là thế giới quan chủ đạo của các dòng văn minh phương Tây.

Quan niệm trên đối lập với triết lý con người hòa hợp với tự nhiên – thế giới quan chủ đạo trong các nền văn minh phương Đông.

C.Mác và Ph.Ăngghen đều quan niệm lịch sử, con người và tự

nhiên thống nhất hữu cơ với nhau, không tách rời nhau. Chính vì vậy, theo C.Mác và Ph.Ăngghen thì những gì thù địch với tự nhiên cũng tức là thù địch với con người. Hơn thế, C.Mác và Ph.Ăngghen còn cho rằng, hành vi phá hoại tự nhiên, phá vỡ sự hài hòa, cân bằng mối quan hệ giữa con người - tự nhiên, xét về mặt sinh thái cũng đồng nghĩa với sự phá hoại chính cuộc sống của bản thân con người.

Đánh giá cao khả năng của con người trong việc cải biến giới tự nhiên nhưng các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác cũng cảnh báo rằng: việc cải biến ấy dù có to lớn đến bao nhiêu cũng không được phép vượt qua giới hạn có thể dẫn đến phá vỡ hệ thống đó.

1.2.2. Phát triển xã hội và sự tác động đến môi trường sinh thái

C.Mác và Ph.Ăngghen đã chỉ ra động lực chủ yếu, trực tiếp thúc đẩy sự phát triển của xã hội - đó là sự vận động khách quan của lực lượng sản xuất của con người.

Sự tác động của con người vào tự nhiên làm cho tự nhiên biến đổi theo hai hướng, nếu con người tác động vào tự nhiên theo quy luật biết hòa hợp với tự nhiên sẽ làm cho nó ngày càng phong phú, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất và đời sống con người. Ngược lại nếu chúng ta chỉ biết khai thác những cái sẵn có trong tự nhiên một cách thái quá, cực đoan không biết tái tạo tự nhiên thì sẽ làm cho nó ngày càng nghèo nàn suy thoái, sự cân bằng sinh thái sẽ bị phá vỡ và tự nhiên sẽ “trả thù” con người một cách tương ứng.

Tiến trình phát triển của xã hội loài người đã song hành cùng với những trạng thái khác nhau của môi trường sinh thái. Có những giai đoạn, mối quan hệ giữa con người và tự nhiên là mối quan hệ song hành nhưng cũng có những giai đoạn, mối quan hệ ấy trở nên đối lập, xã hội càng phát triển thì môi trường càng suy thoái. Tuy

nhiên, với tư cách là sản phẩm cao nhất của sự phát triển của giới tự nhiên, con người bằng tư duy của mình đã nhận rõ vấn đề và đang xác lập lại một mối quan hệ hài hòa hơn giữa con người và tự nhiên trên cơ sở của sự phát triển tri thức với một mục tiêu là bảo vệ môi trường sinh thái - điều kiện cho sự phát triển bền vững của xã hội.

1.2.3. Bảo vệ môi trường sinh thái - nhân tố đảm bảo cho sự phát triển xã hội bền vững

- Môi trường là không gian sống của mọi loài sinh vật.

- Bảo vệ môi trường, giữ cho môi trường trong sạch có tác dụng trực tiếp đến việc bảo tồn và duy trì sự sống của mọi sinh vật ở trong môi trường.

- Nhu cầu của con người là rất lớn, trong khi tài nguyên và môi trường sống dù có biến đổi và phát triển không ngừng thì nó vẫn là yếu tố có giới hạn.

- Yếu tố vật chất, kinh tế có vai trò quyết định đối với sự phát triển xã hội, song tăng trưởng kinh tế lại có ảnh hưởng rất lớn đến môi trường tự nhiên. Do vậy, ngoài mục tiêu phát triển kinh tế để thỏa mãn nhu cầu kinh tế - xã hội, con người cần phải bảo vệ và không ngừng cải thiện chất lượng môi trường cho chính bản thân mình.

- Tăng trưởng kinh tế với vấn đề bảo vệ môi trường có xu hướng loại trừ lẫn nhau, nhưng đồng thời cũng là tiền đề của nhau.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN XÃ HỘI VÀ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG SINH THÁI Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG HIỆN NAY

2.1. TỔNG QUAN VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, VĂN HÓA XÃ HỘI CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Điều kiện tự nhiên: Thành phố Đà Nẵng có vị trí chiến lược quan trọng, nằm ở vị trí trung điểm của cả nước, nằm ở 15o55' đến 16o14' vĩ Bắc, 107o18' đến 108o20' kinh Đông, phía Bắc giáp tỉnh Thừa Thiên Huế, phía Nam và Tây giáp tỉnh Quảng Nam, phía Đông giáp biển Đông. Địa hình thành phố Đà Nẵng vừa có đồng bằng vừa có núi, vùng núi cao và dốc tập trung ở phía Tây và Tây Bắc, từ đây có nhiều dãy núi chạy dài ra biển, một số đồi thấp xen kẽ vùng đồng bằng ven biển hẹp. Đà Nẵng có nhiều thắng cảnh nổi tiếng như Nam Ô, Xuân Thiều, bán đảo Sơn Trà, Bà Nà Núi Chúa, Ngũ Hành Sơn, bãi tắm Mỹ Khê, Bảo tàng Điêu khắc Chăm... Đà Nẵng cũng là nơi có nhiều di tích văn hóa của các dân tộc do nhiều thế hệ để lại.

Đặc điểm kinh tế - xã hội:

Toàn thành phố có 08 đơn vị hành chính cấp quận, huyện gồm: Hải Châu, Thanh Khê, Sơn Trà, Liên Chiểu, Cẩm Lệ, Ngũ Hành Sơn, huyện Hòa Vang và huyện đảo Hoàng Sa.

Kinh tế phát triển tương đối toàn diện, đạt tốc độ tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng: dịch vụ - công nghiệp – nông nghiệp, với tỷ trọng tương ứng trong GDP là 50,5%; 46,5% và 3%. Cơ cấu lao động chuyển dịch nhanh, đến năm 2010 tỷ lệ lao động nông nghiệp ước còn 9,6%, công nghiệp 35,1%, dịch vụ 55,3%. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đạt 11%/năm. GDP bình

quân đầu người năm 2010 ước đạt 2.015 USD, gấp 2,2 lần so với năm 2005 và 1,6 lần mức bình quân chung cả nước. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của thành phố trong những năm gần đây khá ổn định. Nhiều dự án lớn, nhiều nhà máy, khu công nghiệp, khu kinh tế được đầu tư mới, nâng cấp.

2.2. SỰ BIẾN ĐỔI CỦA CÁC YẾU TỐ MÔI TRƯỜNG SINH THÁI TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN XÃ HỘI Ở ĐÀ NẴNG

2.2.1. Môi trường nước

Nguồn tài nguyên nước của thành phố khá phong phú, bao gồm cả nguồn nước mặt, nước ngầm và nước biển.

Nguồn nước mặt phân bố trong các lưu vực sông, suối, hồ. Tuy nhiên chất lượng nước ở các sông đã có dấu hiệu bị ô nhiễm, chất lượng nước sông Phú Lộc bị ô nhiễm nghiêm trọng.

Thành phố Đà Nẵng có 42 hồ đầm nằm rải rác trên 7 quận, huyện với tổng diện tích nước mặt khoảng 1,8 triệu m³, nhìn chung tất cả các hồ, đầm đến nay vẫn chưa được khai thác, sử dụng và bảo vệ hợp lý nên tình trạng ô nhiễm vẫn xảy ra liên tục, nhất là thời điểm trước năm 2006, có nơi ô nhiễm đến mức báo động và diễn biến ô nhiễm thay đổi theo mùa.

Nguồn nước suối phân bố chủ yếu ở hai khu vực: Bán đảo Sơn Trà, Bà Nà – Núi Chúa và sông Nam - sông Bắc. Đây là một trong những nguồn cung cấp nước ngọt quan trọng cho thành phố. Lưu lượng nước sông, hồ cũng như nguồn nước suối là rất phong phú, tuy nhiên việc phát triển thủy điện trên lưu vực sông Vu Gia chủ yếu nằm ở thượng nguồn thuộc địa phận tỉnh Quảng Nam sẽ làm cho nguồn nước ở vùng hạ lưu thuộc thành phố Đà Nẵng bị ảnh hưởng trong thời gian tới.

Nước ngầm nhiều khu vực bị ô nhiễm như Hòa Khánh, Ngũ Hành Sơn, Cẩm Lệ.

Môi trường nước biển: Đường bờ biển Đà Nẵng có chiều dài 90km, với lợi thế trên 30km có nhiều bãi biển đẹp đã tạo cho Đà Nẵng một thế mạnh để phát triển du lịch biển. Tuy nhiên, nguy cơ về ô nhiễm môi trường nước biển đang là thực trạng cần được xem xét một cách nghiêm túc.

Trên địa bàn thành phố, nguồn gây ô nhiễm nước được xác định chủ yếu là do: ảnh hưởng của phát triển thủy điện, chất thải sinh hoạt, dịch vụ, công nghiệp, chất thải từ hoạt động tàu thuyền, chất thải từ hoạt động nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, nước rỉ từ bãi rác Khánh Sơn ...

2.2.2. Môi trường không khí

- Toàn thành phố có 525,889 km đường bộ, trong đó có 69,126 km đường quốc lộ, 45km đường sắt, 162,7km đường sông, đặc biệt Đà Nẵng có sân bay quốc tế.

- Hoạt động giao thông vận tải, các ngành công nghiệp và xây dựng là những nguyên nhân chính gây ô nhiễm không khí trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Ngoài ra, ô nhiễm không khí do làng nghề Non Nước ở Đà Nẵng cũng là vấn đề đáng quan tâm hiện nay.

2.2.3. Môi trường đất

Quá trình phát triển xã hội với sự tác động mạnh mẽ của con người đối với môi trường đất nhằm phục vụ nhu cầu của con người đã gây nên tình trạng tài nguyên đất bị ô nhiễm.

Nguyên nhân chính gây nên tình trạng ô nhiễm môi trường đất: các chất thải sinh hoạt, chất thải từ hoạt động công nghiệp, bãi rác, chất độc hóa học, nông nghiệp, chất thải trong xây dựng, nước thải công nghiệp, bệnh viện ...v.v

Ô nhiễm đất còn do chất độc hoá học tồn lưu từ thời chiến tranh gây ô nhiễm nặng đất ở khu vực ven sân bay Đà Nẵng.

2.2.4. Đa dạng sinh học

Thành phố Đà Nẵng có đặc thù đa dạng về địa hình, là nơi giao thoa của các tiểu vùng khí hậu, điều đó đã dẫn đến đa dạng về các kiểu hệ sinh thái.

Đặc biệt, Đà Nẵng có vị trí là nơi giao thoa của hai trung tâm có độ đa dạng sinh học lớn là Bạch Mã và Ngọc Linh, do đó các khu hệ động thực vật ở Đà Nẵng có mức độ đa dạng cao về thành phần loài. Ngoài ra, Đà Nẵng còn có sự đa dạng về văn hóa cũng như các loại hình sản xuất nông nghiệp, nên các hệ sinh thái nông nghiệp ở đây cũng có độ đa dạng sinh học cao.

Rừng của thành phố ngoài ý nghĩa kinh tế còn có ý nghĩa phục vụ nghiên cứu khoa học, bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển du lịch. Thiên nhiên đã ưu đãi ban tặng cho thành phố các khu rừng tự nhiên đặc sắc như: Khu Bà Nà – Núi Chúa, Khu Bán đảo Sơn Trà và Khu Nam Hải Vân.

2.3. SỰ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC YẾU TỐ XÃ HỘI, KINH TẾ ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG SINH THÁI CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.3.1. Quá trình đô thị hóa

Đô thị hóa ở Đà Nẵng là động lực của phát triển kinh tế xã hội. Tuy nhiên quá trình này cũng có tác động không nhỏ đến chất lượng môi trường thành phố.

Cùng với quá trình đô thị hóa: các chất thải rắn, phế thải xây dựng, đồ phế thải không đúng nơi quy định... là nguyên nhân gây mất mỹ quan và ảnh hưởng đến môi trường.

Với tốc độ đô thị hoá diễn ra nhanh và mạnh, quá trình quy

hoạch và phát triển đô thị ở thành phố Đà Nẵng trong thời gian qua đã có những tác động đến môi trường và hệ sinh thái, diện tích đất nông nghiệp giảm, đồng nghĩa với việc vùng nông thôn và hoạt động nông nghiệp bị thu hẹp diện tích do quá trình đô thị hóa.

2.3.2. Sự phát triển công nghiệp

Phát triển công nghiệp trong những năm qua ở Đà Nẵng một mặt có chuyển biến tích cực, nhưng hoạt động này cũng gây sức ép lên môi trường không khí, nước thải, chất thải rắn, đặc biệt góp phần gia tăng lượng khí nhà kính.

Trong những năm qua, ngành công nghiệp xây dựng thành phố Đà Nẵng đạt tốc độ tăng trưởng khá cao. Giá trị sản xuất công nghiệp toàn ngành của thành phố năm 2009 đạt 11.000 tỷ đồng, tăng 38,9% so với năm 2005 là 8.050 tỷ đồng và tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành công nghiệp bình quân 5 năm giai đoạn 2005 - 2009 đạt 8,56%. Một số ngành công nghiệp tăng trưởng khá như cao su (13,5%), động cơ điện siêu nhỏ (87,8%), xi măng (18%), thép (10,6%) ... Một số doanh nghiệp có tốc độ tăng trưởng khá là: Tổng công ty cổ phần dệt may Hoà Thọ; công ty Sông Thu, công ty xây lắp và công nghiệp tàu thủy Miền Trung ...

Sự phát triển công nghiệp ở Đà Nẵng đã tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, tạo công ăn việc làm cho hơn 60.000 lao động, thực hiện chiến lược xoá đói giảm nghèo và thực hiện di dời rất nhiều cơ sở gây ô nhiễm môi trường trong nội thành vào khu công nghiệp. Tuy nhiên mặt trái của hoạt động này còn nhiều bất cập và thiếu sự đồng bộ.

2.3.3. Sự phát triển du lịch, dịch vụ

- Đà Nẵng có nhiều điều kiện để phát triển du lịch dịch vụ: Với vị trí địa lý đặc biệt thuận lợi, có sự ưu đãi của thiên nhiên, biển

Đà Nẵng cũng là một trong những bãi biển đẹp, tạo nguồn cảm hứng du lịch vô tận đối với du khách.

- Trong những năm gần đây, phát triển du lịch Đà Nẵng đã có những bước tiến mạnh mẽ và được xác định là khu vực nằm trong cụm du lịch tổng hợp quốc gia Cảnh Dương - Hải Vân – Non Nước và là trung tâm du lịch thể thao biển của cả nước.

- Sự phát triển các khu du lịch trong thời gian qua, đặc biệt là có rất nhiều dự án phát triển du lịch ven biển, ven sông, một mặt góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ thu hút khách du lịch, nhưng một mặt cũng đóng góp những tác động tiêu cực đến môi trường, hệ sinh thái và cảnh quan.

Nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường ở các khu, điểm du lịch là do: lượng nước thải chủ yếu là tự thấm và thải ra môi trường xung quanh, hệ thống xử lý nước thải xây dựng chưa đúng quy chuẩn như là không có bể tách mỡ, bể chứa không đúng quy cách, nước thải sau xử lý không được kiểm soát, ý thức của các doanh nghiệp, cũng như các cơ sở dịch vụ du lịch về một nền du lịch bền vững, “du lịch sinh thái” vẫn chưa đầy đủ ...v.v.

2.3.4. Những vấn đề về dân số

Thành phố Đà Nẵng có 07 nhóm dân tộc chính: Kinh, Hoa, Kotu, Ê đê, Mường, Nùng và Tày. Năm 2009, dân số của thành phố là 890.490 người, năm 2010, dân số của thành phố là 926.018 người.

Đại bộ phận dân số của thành phố là người Kinh, chiếm 99,54%. Các nhóm dân tộc còn lại chủ yếu là người Hoa, tập trung chủ yếu ở quận Hải Châu và quận Thanh Khê và dân tộc Cờ Tu tập trung chủ yếu ở Hòa Bắc và Hòa Phú, mật độ dân số khu vực nội thành hiện nay là 3.202,64 người/km², cao gấp 1,12 lần so với thời điểm năm 2004. Cơ cấu dân số theo khu vực thành thị và nông thôn

lần lượt qua hai kỳ tổng điều tra dân số: Năm 1999, cơ cấu dân số thành thị 79,38%, nông thôn là 20,62%; đến năm 2009, cơ cấu dân số thành thị là 86,87%, nông thôn là 13,13%, số liệu trên cho thấy có sự dịch chuyển rõ ràng giữa nông thôn và thành thị. Ngoài ra sự phân bố dân số trong vùng nội thành cũng không cân đối giữa các quận, huyện, mật độ dân số của các quận Thanh Khê (18.380,34 người/km²), Hải Châu (8.901,17người/km²), cao hơn so với các quận, huyện khác trong khu vực nội thành.

Sự tập trung quá đông dân số ở một vài khu vực sẽ tạo nên những áp lực lớn cho môi trường.

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM THỰC HIỆN TỐT CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SINH THÁI TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN XÃ HỘI Ở ĐÀ NẴNG

3.1. PHƯƠNG HƯỚNG

- Bảo vệ môi trường phải gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế để đảm bảo sự phát triển bền vững của thành phố; bảo vệ môi trường ở thành phố Đà Nẵng phải gắn với bảo vệ môi trường khu vực và đất nước.

- Bảo vệ môi trường là quyền lợi và trách nhiệm của mọi tổ chức, mọi gia đình và của mỗi người, là biểu hiện của nếp sống văn hoá, đạo đức, là tiêu chí quan trọng để xây dựng thành phố có nếp sống văn hóa văn minh đô thị.

- Bảo vệ môi trường phải được thực hiện thường xuyên, lấy phòng ngừa là chủ yếu kết hợp với khắc phục ô nhiễm, suy thoái, cải thiện chất lượng môi trường và bảo tồn thiên nhiên.

- Bảo vệ môi trường phải phù hợp với trình độ phát triển kinh tế xã hội của thành phố trong từng giai đoạn.

3.2. MỤC TIÊU CỤ THỂ

- Đẩy mạnh việc trồng cây xanh đô thị và ven biển, phấn đấu nâng tỷ lệ độ che phủ rừng đạt trên 50% vào năm 2015.

- Phấn đấu đến năm 2015, có 100% các cơ sở sản xuất, kinh doanh mới phải áp dụng công nghệ sạch, 85% các cơ sở hiện có đạt các tiêu chuẩn cơ bản về môi trường.

- Xây dựng các nhà máy xử lý nước thải tại các khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng, Liên Chiểu, Hòa Cầm; xử lý cơ bản ô

nhiễm tại khu công nghiệp dịch vụ thuỷ sản Thọ Quang và các “điểm nóng” khác về môi trường. Chú trọng xử lý môi trường nước và rác thải owrcase bệnh viện trong thành phố.

- Ngăn ngừa và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường và sự cố môi trường do hoạt động của con người và tác động của tự nhiên đối với môi trường nội địa, ven biển và vùng biển. Sử dụng bền vững nguồn tài nguyên khoáng sản, tài nguyên biển, bảo vệ đa dạng sinh học.

3.3. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG SINH THÁI Ở ĐÀ NẴNG HIỆN NAY

** Nhóm giải pháp về quản lý nhà nước*

- Tăng cường phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện rộng rãi các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của thành phố về công tác bảo vệ môi trường, chú trọng đối với Luật bảo vệ môi trường; Nghị quyết 41-NQ/TW ngày 21/7/2005 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trong giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá và Chương trình hành động của Chính phủ; các văn bản của thành phố về công tác bảo vệ môi trường.

- Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố, rà soát sửa đổi, thay thế các văn bản không còn phù hợp với tình hình thực tế. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và kiểm soát ô nhiễm trên địa bàn, đặc biệt tập trung giám sát, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu tại các quyết định phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường, quy chế bảo vệ môi trường, các bản đăng ký, cam kết đối với các doanh

nghiệp, đơn vị, hộ gia đình. Xử lý kiên quyết, dứt điểm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Phòng ngừa không để phát sinh thêm các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng, đưa công tác quản lý môi trường trên địa bàn thành phố vào kỷ cương, nền nếp.

- Tăng cường, củng cố đội ngũ cán bộ làm công tác môi trường từ thành phố đến quận, huyện, xã, phường theo hướng tinh gọn nhưng hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cơ bản về quản lý môi trường cho cán bộ, công chức cấp quận, huyện, thị trấn, phường, xã phù hợp với nội dung quản lý được phân công, phân cấp.

- Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho Sở Tài nguyên và Môi trường, các Phòng quản lý tài nguyên và môi trường cấp quận, huyện. Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm quan trắc và kỹ thuật môi trường để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về tài nguyên, đảm bảo khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước ... Đẩy mạnh kinh tế hóa ngành tài nguyên – môi trường, hình thành và phát triển các loại thị trường về tài nguyên và môi trường.

- Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện cam kết về bảo vệ môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phát sinh chất thải sản xuất.

** Nhóm giải pháp về xã hội hóa công tác môi trường*

- Bảo vệ môi trường làng nghề Non Nước, nâng cao trách nhiệm của các hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ tại làng nghề và nâng cao trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp phường, quận, thành phố đối với bảo vệ môi trường làng nghề.

- Xây dựng ý thức sinh thái trong mọi tầng lớp nhân dân, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức và trách nhiệm của người dân, cộng đồng trong bảo vệ môi trường, phát huy truyền thống yêu thiên nhiên, nếp sống giản dị, gần gũi với môi trường để xây dựng các khu dân cư xanh - sạch - đẹp.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường, các hoạt động cung ứng dịch vụ vệ sinh, môi trường. Xác định công tác bảo vệ môi trường là trách nhiệm của mọi tổ chức, cơ quan, đoàn thể và các cộng đồng dân cư, từ đó huy động có hiệu quả mọi nguồn lực trong nhân dân để thực hiện bảo vệ môi trường. Cũng cố hoạt động, mở rộng số lượng các tổ, đội vệ sinh môi trường, phấn đấu 100% xã, phường có tổ chức thu gom rác thải. Tăng cường sự phối hợp giữa các cấp ủy Đảng, chính quyền, ban ngành đoàn thể trong công tác bảo vệ môi trường, thực hiện có hiệu quả thông tư liên tịch của Bộ tài nguyên - Môi trường với Sở giáo dục đào tạo, các đoàn thể: Hội nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hội liên hiệp phụ nữ, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Ủy ban Mặt trận tổ quốc... nhằm phát động và thực hiện có hiệu quả phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường.

- Xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, các thành phần kinh tế tham gia các dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải, xử lý, tái chế chất thải để tái sử dụng; phát triển các mô hình cộng đồng dân cư tự quản trong hoạt động bảo vệ môi trường nhằm giảm chi phí từ nguồn ngân sách Nhà nước. Khuyến khích thành lập các tổ chức đánh giá, tư vấn, giám định, công nhận và chứng nhận về bảo vệ môi trường để thúc đẩy áp dụng việc dán nhãn sinh thái cho các cơ sở sản xuất dịch vụ trên địa bàn thành phố.

- Cần đưa nội dung giáo dục ý thức sinh thái và bảo vệ môi trường vào nội dung giảng dạy ở các cấp học từ phổ thông cơ sở đến cả bậc cao đẳng, đại học và cao học. Tiến tới coi việc bảo vệ môi trường là một trong các tiêu chí để thi đua, học tập không chỉ của các bậc học mà cả đối với các công chức và mọi người dân Đà Nẵng.

- Đưa tiêu chí bảo vệ môi trường vào đánh giá hoạt động của cơ quan, đơn vị, khu dân cư, tổ dân phố, hộ gia đình, nhất là các đơn vị kinh tế có tác động trực tiếp đến môi trường, xem đây là một tiêu chí để đánh giá các danh hiệu thi đua, khen thưởng hàng năm.

** Nhóm giải pháp về kinh tế*

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch phát triển kinh tế, có kế hoạch cụ thể đánh giá tình hình sử dụng tài nguyên thiên nhiên và mức độ ảnh hưởng đến môi trường của các hoạt động kinh tế.

- Tranh thủ các nguồn đầu tư, hỗ trợ của các chương trình, dự án về kinh tế - xã hội trong nước như các chương trình xóa đói giảm nghèo, khuyến nông, khuyến lâm... để kết hợp thực hiện các giải pháp tạo việc làm, giảm nghèo nhằm ngăn ngừa tình trạng khai thác tài nguyên thiên nhiên bất hợp lý.

- Tổ chức tốt việc thu phí bảo vệ môi trường theo quy định của Nhà nước, đồng thời sử dụng có hiệu quả nguồn phí bảo vệ môi trường thu được để đầu tư cho bảo vệ môi trường. Thực hiện tốt hơn chế độ chịu trách nhiệm và chi trả chi phí khắc phục ô nhiễm môi trường đối với các hoạt động kinh tế - xã hội có ảnh hưởng đến môi trường, sử dụng tài nguyên thiên nhiên.

- Có chế tài cụ thể và mạnh mẽ đối với các hành vi phá hoại môi trường, tăng ô nhiễm môi trường bằng cách phạt tiền và các chế tài khác để răn đe và hạn chế các vi phạm, góp phần bảo vệ môi

trường trong lành.

** Nhóm giải pháp về quy hoạch*

- Thực hiện quy hoạch môi trường làm căn cứ để lồng ghép các nội dung bảo vệ môi trường trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của thành phố, ngăn chặn giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.

- Gắn kết nội dung bảo vệ môi trường với các chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Tổ chức thực hiện đề án “Xây dựng Đà Nẵng – thành phố môi trường” gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng an ninh của thành phố.

- Chuẩn bị tốt cơ sở vật chất hạ tầng kinh tế - xã hội song song với thực hiện có hiệu quả việc quy hoạch và xây dựng hệ thống cấp - thoát nước, các bãi chứa và xử lý các loại rác thải.

- Rà soát, điều chỉnh các chiến lược quy hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển ngành, địa phương chưa đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- Quy hoạch, xây dựng và quản lý môi trường tại các khu chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm; các khu vực nuôi trồng và chế biến thủy sản tập trung, có chính sách khuyến khích giết mổ gia súc, gia cầm sạch góp phần đảm bảo vệ sinh môi trường.

** Nhóm giải pháp về kỹ thuật*

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý công tác môi trường.

- Chú trọng triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học để bảo vệ, cải thiện môi trường của thành phố.

- Nghiên cứu trồng các loại cây phù hợp với địa phương.

- Bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học. Xây dựng kế hoạch hành động bảo vệ đa dạng sinh học, bảo vệ các giống loài động, thực vật quý hiếm.

- Khai thác sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên: Tăng cường kiểm tra và xử lý nghiêm việc khai thác cát, sạn ở các sông trái phép;

KẾT LUẬN

Tư tưởng Triết học Mác - Lênin về mối quan hệ biện chứng giữa phát triển xã hội và môi trường sinh thái là cơ sở lý luận cho việc xây dựng, duy trì mối quan hệ cân bằng giữa sự phát triển của xã hội loài người với sự bền vững của môi trường tự nhiên.

Trong sự phát triển bền vững, ngoài yếu tố phát triển về kinh tế - văn hóa thì đảm bảo sự cân bằng môi trường sinh thái là một trong những yêu cầu mang tính cấp bách hiện nay.

Đối với thành phố Đà Nẵng, vấn đề mối quan hệ giữa phát triển xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái cũng được đặt ra một cách tương tự. Để xây dựng *Đà Nẵng trở thành một thành phố hài hòa, thân thiện, an bình, một thành phố hấp dẫn và đáng sống*, Đà Nẵng cần phải có phương hướng, mục tiêu và giải pháp cụ thể để giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái trên địa bàn thành phố, hướng đến một sự phát triển mới và bền vững.